

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
-----&-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(HỢP NHẤT)

QUÝ I- 2011

TÊN ĐƠN VỊ : CTY CPĐTPT CƯỜNG THUẬN IDICO

MST : 3600459834

ĐỊA CHỈ : 168 KP 11 P. AN BÌNH – BIÊN HOÀ – ĐỒNG NAI

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.264.463.504	267.922.597.555
I. Tiền	110		17.908.575.615	9.546.284.869
1. Tiền	111	V.1	17.908.575.615	9.546.284.869
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.892.041.210	160.023.064.202
1. Phải thu khách hàng	131		101.303.145.600	126.715.291.974
2. Trả trước cho người bán	132		27.928.183.149	24.098.302.931
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	48.676.801.830	10.225.558.666
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.016.089.369)	(1.016.089.369)
IV. Hàng tồn kho	140		131.872.848.064	95.109.755.107
1. Hàng tồn kho	141	V.4	131.872.848.064	95.109.755.107
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.590.998.615	3.243.493.377
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.034.955.248	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.616.047.166	495.603.300
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.939.996.201	2.747.890.077
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.860.729.406	207.786.611.161
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		193.139.895.128	195.931.945.688
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	126.230.203.142	129.142.986.611
- Nguyên giá	222		199.008.433.392	196.026.010.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.778.230.250)	(66.883.023.781)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		35.347.407.571	34.403.412.592
- Nguyên giá	225		69.847.938.130	64.879.277.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		34.499.530.559	30.475.864.938
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	46.276.630.985	48.427.400.393
- Nguyên giá	228		83.670.838.182	83.670.838.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.394.207.197)	(35.243.437.789)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	20.633.061.001	18.361.558.684
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	9.363.091.808	9.336.394.145
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.963.091.808	6.936.394.145
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.400.000.000	2.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.357.742.470	2.518.271.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.357.742.470	2.518.271.328
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		549.125.192.910	475.709.208.716

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		330.063.895.525	275.205.050.817
I. Nợ ngắn hạn	310		259.713.115.225	224.693.311.890
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	110.525.344.912	107.651.428.756
2. Phải trả cho người bán	312		35.347.107.071	34.405.432.392
3. Người mua trả tiền trước	313		69.842.938.020	54.679.277.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	13.498.713.893	12.655.555.462
5. Phải trả người lao động	315		4.163.744.868	3.994.716.375
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.003.773.852	1.602.805.642
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	23.355.970.771	8.227.371.450
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		975.521.838	1.476.723.913
II. Nợ dài hạn	330		70.350.780.300	50.511.738.927
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	70.249.178.726	50.402.064.987
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		101.601.574	109.673.940
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205.118.112.770	198.821.973.284
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410		205.118.112.770	198.821.973.284
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.266.580.000	2.431.670.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	3.690.728.985	3.690.728.985
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	7.043.347.552	7.043.347.552
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	38.106.335.806	35.645.106.320
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11.120.427	11.120.427

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		13.943.184.615	1.682.184.615
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		549.125.192.910	475.709.208.716

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar-Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người Lập

Bùi Tiến Vương

Kế toán trưởng

Lê Văn Vĩnh



Ngày 18/05/2011

Tổng giám đốc

Trần Như Hoàng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam			
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
			Quý 1 năm 2011		Năm trước	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	50.865.841.197	82.642.537.931	50.865.841.197	82.642.537.931
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V.26	66.772.925	16.826.857	66.772.925	16.826.857
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	V.27	50.799.068.272	82.625.711.074	50.799.068.272	82.625.711.074
4 Giá vốn hàng bán	11	V.28	36.255.839.936	62.717.400.867	36.255.839.936	62.717.400.867
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		14.543.228.336	19.908.310.207	14.543.228.336	19.908.310.207
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	37.039.393	290.824.099	37.039.393	290.824.099
7 Chi phí tài chính	22	V.30	6.476.039.962	3.423.390.260	6.476.039.962	3.423.390.260
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.476.039.962	3.423.390.260	6.476.039.962	3.423.390.260
8 Chi phí bán hàng	24		1.048.688.000	2.108.173.283	1.048.688.000	2.108.173.283
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.273.435.321	4.123.920.784	4.273.435.321	4.123.920.784
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.782.104.446	10.543.649.979	2.782.104.446	10.543.649.979
11 Thu nhập khác	31		313.405.408	2.428.000	313.405.408	2.428.000
12 Chi phí khác	32		210.638.509	213.581.612	210.638.509	213.581.612
13 Lợi nhuận khác	40		102.766.899	(211.153.612)	102.766.899	(211.153.612)
14 Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		26.697.663	214.914.633	26.697.663	214.914.633

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		2.911.569.008	10.547.411.000
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	2		8.045.975.877	7.338.368.710
Các khoản dự phòng	3		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5			
Chi phí lãi vay	6		6.476.039.962	3.423.390.260
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8		17.433.584.847	21.309.169.970
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(31.216.482.246)	(5.645.453.908)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(36.763.092.957)	(1.740.667.440)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		32.137.814.813	17.174.694.432
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		160.528.858	2.583.413.619
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.476.039.962)	(3.423.390.260)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(135.680.220)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		22.191.000.718	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			(5.897.490.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.668.366.149)	24.360.276.127
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(2.982.423.000)	(7.593.015.418)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(273.698.630)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			273.698.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.982.423.000)	(7.593.015.418)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		47.044.252.012	41.435.505.836
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.645.572.117)	(28.509.156.784)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(22.385.600.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.013.079.895	(11.073.650.948)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm trước	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.362.290.746	5.693.609.761
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.546.284.869	5.146.052.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		17.908.575.615	10.839.662.375

Người Lập

Kế toán trưởng

Ngày 18/05/2011

Tổng giám đốc

[Signature]

[Signature]



Bùi Tiến Vương

Lê Văn Vinh

Trần Như Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất

03. Ngành nghề kinh doanh Công ty CP ĐTPT Cường Thuận và công ty con:

Công ty CP ĐTPT Cường Thuận:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán rượu bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

Công ty CP ĐT Đồng Thuận (Công ty con):

- Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT);

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

04. Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ "Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con : một (01)

Số lượng các công ty con được hợp nhất : một (01)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất : không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất :

1. Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận

- Trụ sở : Số F253, KP.7, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ : 87,77%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 87,77%

Công ty CP ĐT Đồng Thuận đang tiến hành thủ tục đầu tư ,chưa có doanh thu

05. Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

Danh sách công ty liên kết

1. Công ty CP đầu tư Việt Thuận Phát

- Trụ sở : Văn phòng giao dịch 166, Tổ 2, KP. 11, Phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai..
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần ĐTPT Cường Thuận: 25%

06. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần ĐTPT Cường Thuận và Báo cáo tài chính của một (01) công ty con nêu trên.

02. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Quyền thu phí tỉnh lộ 16

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

Giá trị quyền thu phí tính lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tính lộ 16. Công ty ước tính thời gian thu hồi vốn đầu tư là 10 năm.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: Quyền sử dụng thương hiệu IDICO, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ đã được khách hàng phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục ngắn hạn được treo lại trên TK413 đầu năm sau hoàn nhập lại; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tinh thần Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian năm.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Tiền mặt	14.489.833.147	5.112.698.211
- Tiền gửi ngân hàng	3.418.742.468	5.726.964.164
Cộng	17.908.575.615	10.839.662.375
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Tiền ứng thực hiện dự án BOT Q11A	8.958.000.000	
- Tạm chi thù lao HĐQT-Ban kiểm soát	995.551.830	
- Tạm chia cổ tức	22.385.600.000	
- Phải thu khác	16.337.650.000	10.029.814.989
Cộng	48.676.801.830	10.029.814.989
04. Hàng tồn kho	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

	Cộng	48.676.801.830	10.029.814.989
04. Hàng tồn kho		Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Nguyên liệu, vật liệu		12.223.710.095	6.768.861.359
- Công cụ, dụng cụ		938.301.379	-
- Chi phí SX, KD dở dang (*)		87.185.447.263	64.902.095.285
- Thành phẩm		30.718.434.175	42.109.025.243
- Hàng hóa		806.955.152	3.586.864.762

Giá trị thuần của hàng tồn kho**131.872.848.064****117.366.846.649**

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chủ yếu là dở dang của các công trình xây lắp chưa hoàn thành và nghiệm thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	9.514.740.661	109.433.879.461	33.739.482.129	704.113.697	42.633.794.444	196.026.010.392
- Mua trong kỳ	-		2.982.423.000		-	2.982.423.000
- Đầu tư XDDB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BDS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác			-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.514.740.661	109.433.879.461	36.721.905.129	704.113.697	42.633.794.444	199.008.433.392
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.443.220.638	44.659.532.765	9.617.657.644	349.457.498	9.813.155.236	66.883.023.781
- Khấu hao trong kỳ	172.835.688	3.419.989.336	1.121.236.010	30.754.962	1.150.390.473	5.895.206.469
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-				-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.616.056.326	48.079.522.101	10.738.893.654	380.212.460	10.963.545.709	72.778.230.250
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	7.071.520.023	64.774.346.696	24.121.824.485	354.656.199	32.820.639.208	129.142.986.611
- Tại ngày cuối kỳ	6.898.684.335	61.354.357.360	25.983.011.475	323.901.237	31.670.248.735	126.230.203.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền thu phí tính lộ 16	TS Vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	83.670.838.182	-	83.670.838.182
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	83.670.838.182	-	83.670.838.182
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	35.243.437.789	-	35.243.437.789
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	2.150.769.408	-	2.150.769.408
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	37.394.207.197	-	37.394.207.197
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	48.427.400.393	-	48.427.400.393
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	46.276.630.985	-	46.276.630.985

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Quyền sử dụng đất chưa hoàn tất thủ tục	5.931.818.182	5.931.818.182
- Chi phí dở dang dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	227.544.471	206.000.000
- Cty Đồng Thuận	13.522.512.794	1.700.258.411
- Chi phí XDCB khác	951.185.554	1.157.438.179
Cộng	20.633.061.001	8.995.514.772
13. Đầu tư tài chính dài hạn:	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Đầu tư vào công ty con - Công ty BOT Đồng Thuận nắm giữ 87,77% vốn điều lệ 155 tỷ		
- Đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Việt Thuận Phát nắm giữa 25% vốn điều lệ	6.963.091.808	4.088.613.263
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Lắp máy điện nước IDICO nắm giữ 3% vốn điều lệ 80 tỷ.	2.400.000.000	2.400.000.000
Cộng	9.363.091.808	6.488.613.263
14. Chi phí trả trước dài hạn:	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	523.185.594	191.395.409
- Chi phí thấp đồng hồ quảng cáo tại Hàng Xanh	777.777.778	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	116.666.663	533.491.001
- Quyền sử dụng thương hiệu IDICO	833.333.330	1.499.999.999
- Chi phí trả trước của Công ty Đồng Thuận	106.779.105	118.067.858
Cộng	2.357.742.470	2.342.954.267
15. Vay và nợ ngắn hạn	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Vay ngắn hạn ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	95.701.077.062	67.565.651.590
- Vay ngắn NH TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi	-	6.217.960.000
- Vay cá nhân	206.050.000	621.050.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng Á Châu		5.700.000.000
- Vay ngắn hạn ngân hàng HSBC	14.618.217.850	
Cộng	110.525.344.912	80.104.661.590
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Thuế GTGT đầu ra	5.758.285.075	3.220.613.548

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.033.563.620	11.779.616.785
- Thuế Thu nhập cá nhân	632.458.649	54.549.242
- Các loại thuế khác	74.406.549	74.406.549
Cộng	13.498.713.893	15.129.186.124
17. Chi phí phải trả	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Trích trước phí kiểm toán	95.000.000	
- Trích trước chi phí công trình HD986 -thảm BTNN	693.850.909	
- Trích trước trùng tu tỉnh lộ 16.	1.214.922.943	841.598.988
Cộng	2.003.773.852	841.598.988
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Kinh phí công đoàn	23.026.328	158.523.468
- Bảo hiểm xã hội	329.460.718	221.509.223
- Bảo hiểm y tế	95.303.907	57.800.217
- Thu hộ cty Đồng Thuận tiền cổ phiếu của CNV	13.677.650.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.230.529.818	8.261.607.391
Cộng	23.355.970.771	8.699.440.299
20. Vay và nợ dài hạn	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
Vay dài hạn		
- Vay NH TMCP An Bình	10.532.419.651	25.232.419.651
- Vay ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	36.040.468.458	8.638.550.000
- Vay ngắn NH TMCP Sài Gòn -CN Củ Chi	23.676.290.617	30.200.640.580
Cộng	70.249.178.726	64.071.610.231

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn DTXDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5	5	6
Số dư đầu kỳ	150.000.000.000	2.431.670.000	35.645.106.320	3.690.728.985	7.043.347.552	11.120.427	198.821.973.284
- Tăng vốn trong kỳ	-	3.834.910.000	-	-	-	-	3.834.910.000
- Lãi trong kỳ	-	-	2.461.229.486	-	-	-	2.461.229.486
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	150.000.000.000	6.266.580.000	38.106.335.806	3.690.728.985	7.043.347.552	11.120.427	205.118.112.770

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước (tổng cty IDICO)
- Vốn góp của các đối tượng khác
- Thặng dư vốn cổ phần

Cộng

Quý I năm 2011

7.000.000.000

143.000.000.000

150.000.000.000

Quý I năm 2010

7.000.000.000

143.000.000.000

150.000.000.000

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Nguồn vốn đầu tư XDCB
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quý I năm 2011

3.690.728.985

7.043.347.552

11.120.427

975.521.838

Quý I năm 2010

3.690.728.985

7.043.347.552

11.120.427

1.715.255.114

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	50.865.841.197	82.642.537.931
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ	25.826.195.946	47.282.378.987
- Doanh thu bán công	18.776.760.706	28.713.218.035
- Doanh thu thu phí tỉnh lộ 16	6.262.884.545	6.646.940.909
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	66.772.925	16.826.857
- Hàng bán bị trả lại	66.772.925	16.826.857
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	50.799.068.272	82.625.711.074
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng và hoạt động xây lắp	25.826.195.946	47.282.378.987
- Doanh thu thuần bán công	18.709.987.781	28.696.391.178
- Doanh thu thuần thu phí tỉnh lộ 16	6.262.884.545	6.646.940.909
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Giá vốn của hàng hóa và hoạt động xây lắp	20.495.301.979	38.936.677.385
- Giá vốn của bán công	13.309.146.022	21.329.331.547
- Giá vốn hoạt động thu phí	2.451.391.935	2.451.391.935
Cộng	36.255.839.936	62.717.400.867
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.039.393	290.824.099
Cộng	37.039.393	290.824.099
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Lãi tiền vay	6.476.039.962	3.423.390.260
Cộng	6.476.039.962	3.423.390.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2011 (Quý 01/2011)

Đơn vị tính: VND

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	450.339.522	2.096.370.732
Cộng	450.339.522	2.096.370.732

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ : Không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC: không có**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

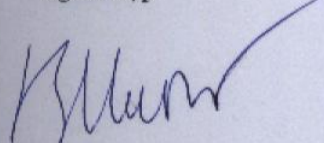
3- Thông tin về các bên liên quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Vào thời điểm 31/03/2011 các công nợ liên quan giữa Công ty Cường Thuận IDICO và Công ty liên kết Việt Thuận Phát:

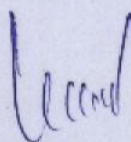
Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
-Cty Cường Thuận còn phải trả Cty Việt Thuận Phát tiền mua Bê tông NN		5.148.922.282
-Cty Cường Thuận ứng trước cho Cty Việt Thuận Phát tiền vật tư	547.160.000	
Vào thời điểm 31/03/2011 các công nợ liên quan giữa Công ty Cường Thuận IDICO và Công ty con Đồng Thuận:		
-Cty Cường Thuận tạm ứng tiền thi công của Cty Đồng Thuận:	52.435.878.734	
4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Không có		
5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có		
6- Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.		
7- Những thông tin khác: không có		

Người Lập



Bùi Tiến Vương

Kế toán trưởng



Lê Văn Vĩnh



Ngày 18/05/2011

Tổng giám đốc

Trần Như Hoàng